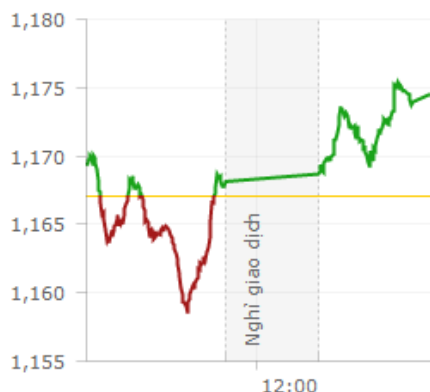


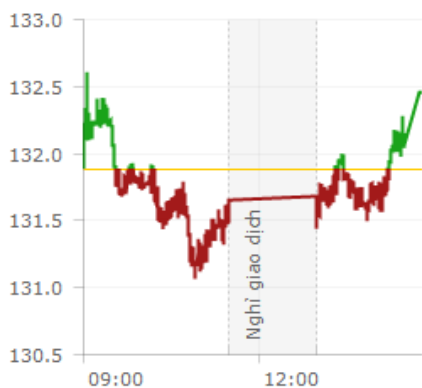
BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VÀ XU THẾ

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TUẦN 26/03/2018 – 30/03/2018

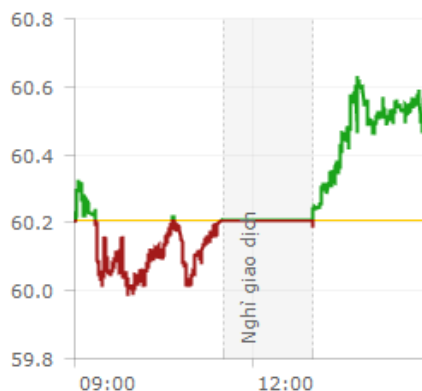
Vn-index: 7.43 điểm (0.64%)



Hnx-index: 0.58 điểm (0.44%)



Upcom-index: 0.46 điểm (0.76%)



Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
 Xu thế trung hạn: Tăng
 Xu thế dài hạn: Tăng

Tổng hợp: Một tuần giao dịch mà xu hướng chính là giằng co quanh mốc đỉnh lịch sử với sắc xanh trì trên cả 2 sàn. Kết thúc tuần giao dịch chỉ số Vn-index tăng 20,87 điểm (1,81%) lên 1.174,46 điểm với khối lượng khớp lệnh đạt 1.209,90 triệu CP, trị giá 32.765 tỷ đồng. Hn-index tăng 0,57 điểm (0,43%) lên 132,45 điểm với khối lượng giao dịch đạt 372,94 triệu CP, trị giá 6.837,9 tỷ.

Thanh khoản: Giao dịch thỏa thuận chiếm tỷ trọng khá cao trong tuần, tuy nhiên tính chung lại thì khối lượng giao dịch và giá trị giảm khá rõ trong tuần qua. Trên sàn HSX có khối lượng khớp trung bình đạt 242 triệu CP/phiên giảm 15% so với tuần trước. Trên sàn HNX khối lượng trung bình khớp đạt 74,5 triệu CP/phiên, giảm 30% so với tuần trước. Bên cạnh đó giá trị giao dịch cũng giảm lần lượt 7% và 33% trên 2 sàn HSX và HNX so với tuần trước.

Điểm nhấn: Thị trường đón nhận thông tin tích cực khi lần đầu tiên tốc độ tăng trưởng GDP quý I ước đạt 7,38% cao nhất trong 10 năm trở lại đây đã khiến cho thị trường CKVN mở phiên đầu tuần tăng điểm khá ấn tượng trên cả 2 sàn. Trong đó, nhóm CP vốn hóa lớn với sự đồng thuận của nhóm CP tài chính là tác nhân chính giúp thị trường tăng điểm. Các CP vốn hóa lớn như VIC, MSN, VJC, ROS...nhanh chóng lấy được đà tăng và bứt phá tạo lên mức đỉnh mới. Nhóm CP tài chính với ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm cũng bật tăng mạnh mẽ với các mã như VCB, CTG, BVH, SSI, VND.

Tuy nhiên đà tăng đã bị chững lại trước áp lực điều chỉnh của thị trường tài chính thế giới khiến cho 2 sàn có diễn biến trái chiều trong 2 phiên tiếp theo. Thậm chí trong phiên thứ 5 với áp lực bán mạnh đến từ nhóm CP vốn hóa lớn đã tác động tiêu cực khiến cho TTCK Việt Nam có một phiên giảm điểm khá. Các CP vốn hóa lớn như VNM, GAS, CTG, BID đều giảm khá mạnh. Mặc dù giảm điểm nhưng dòng tiền lại có xu hướng tìm đến những mã CP có tính cơ bản tốt như RAL, CVT, ANV, PNJ, RAL nên đã thu hẹp đà giảm đáng kể về cuối phiên.

Khối ngoại: Trái ngược với phiên giao dịch tuần trước đó, khối ngoại đã quay trở lại bán ròng trong tuần này, tuy nhiên mức độ bán ròng không nhiều. Cụ thể, trên sàn HSX họ giao dịch trị giá 10.594,01 tỷ với giá trị bán ròng đạt 21.19 tỷ đồng. Trên sàn HNX, họ giao dịch trị giá 346,91 tỷ với giá trị bán ròng đạt 116.15 tỷ đồng.

Nhóm ngành:

Nhóm CP vốn hóa lớn: Có sự phân hóa, nhưng tín hiệu tích cực chiếm ưu thế tích cực với các mã tăng điểm như VIC, MSN, VJC, SAB, BID, trong đó nổi là VIC, MSN, VJC thiết lập những đỉnh giá mới. Con ở chiều ngược lại có sự điều chỉnh nhẹ là VNM, ROS, CTG...

Nhóm CP BĐS: Nhóm cổ phiếu bất động sản, xây dựng có mức tăng trong tuần đạt 3,28% đứng thứ 3 sau nhóm du lịch, giải trí và đồ gia dụng, nhưng là nhóm nổi bật với dòng tiền luân phiên chảy mạnh. Các mã như VIC, VRE, DXG, ASM, CTI, NLG, PDR... đóng phiên khá tích cực.

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
 Xu thế trung hạn: Tăng
 Xu thế dài hạn: Tăng

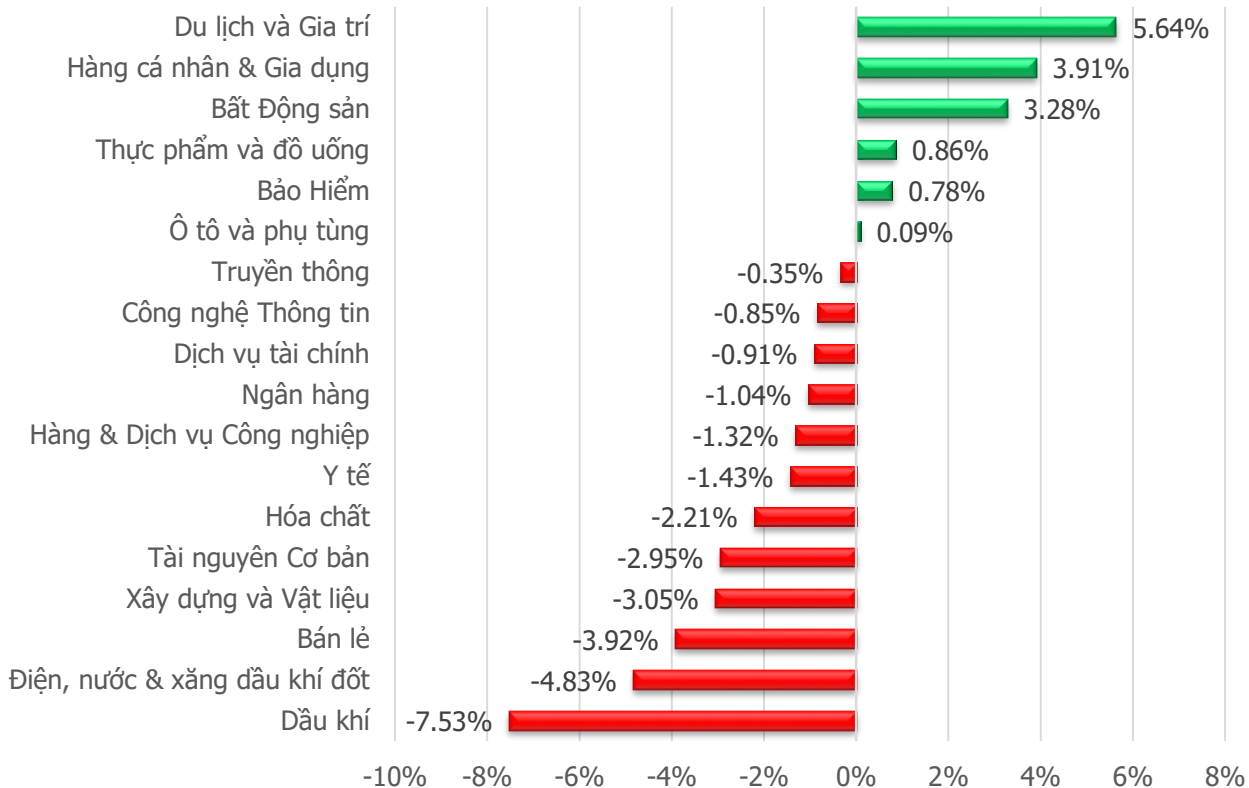
Nhóm CP thủy sản: Nhóm chế biến thủy sản ghi nhận tuần giao dịch rất ấn tượng khi liên tục duy trì đà tăng 3 phiên cuối tuần. ANV, VHG và VHC là những mã CP dẫn đầu của nhóm này.

Nhóm CP dầu khí: Giá dầu trong tuần có sự điều chỉnh nhẹ, nhưng nhóm CP dầu khí lại diễn biến rất tiêu cực và là nhóm có sự giảm điểm mạnh nhất, với mức giảm 7,53%. Các mã như PVD, PVS, PVC, PXS kết thúc tuần đều giảm sâu, thậm chí 5 phiên giảm liên tiếp như PVD, PVC hay PVS.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Phiên giao dịch cuối tuần có sự đồng thuận tăng điểm trên cả 2 sàn, qua đó lấy lại những gì đã mất trong phiên giảm điểm trước đó. Tăng điểm hôm nay khá khả quan cả về điểm số và thanh khoản, giúp cho thị trường có những tín hiệu tích cực hơn. Kết thúc tuần với 4 phiên tăng và chỉ một phiên giảm trên sàn HSX đã cho thấy áp lực giảm điểm mạnh cuối tuần trước đó do lo ngại chiến tranh thương mại đã bị phá vô hiệu quá. Nhìn ở biểu tuần thì xu hướng tăng điểm vẫn đang tồn tại, nhưng có vẻ đang yếu thế trên sàn HNX. Mặc dù đóng tuần với sắc xanh trên cả 2 sàn nhưng thanh khoản giao dịch trung bình có sự sụt giảm so với tuần trước đó nên xung lực tăng điểm không thể hiện rõ. Chúng tôi nhận thấy xu hướng tích lũy có xác suất cao trong tuần tới, vì vậy tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cân bằng. Đồng thời cũng ưu tiên giải ngân vào nhóm CP BĐS nằm trong danh mục khuyến nghị hằng ngày của chúng tôi.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH THEO TUẦN

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN THEO NGÀY

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NKG	31,700	2,050	6.91%	696,030
NSC	108,400	7,000	6.90%	3,386
VPK	5,730	370	6.90%	160
VHG	1,240	80	6.90%	1,033,000
HDC	15,500	1,000	6.90%	652,600

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KSK	1,100	100	10.00%	104,200
SAF	59,400	5,400	10.00%	600
SCI	6,600	600	10.00%	200
SCL	3,300	300	10.00%	2,600
KST	17,800	1,600	9.88%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
LAF	10,150	-750	-6.88%	1,180
PNC	18,350	-1,350	-6.85%	5,090
AGF	5,760	-420	-6.80%	2,370
MCG	2,970	-210	-6.60%	6,380
HRC	22,850	-1,550	-6.35%	12,040

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KHB	600	-100	-14.29%	59,320
DPC	13,500	-1,500	-10.00%	900
DID	4,500	-500	-10.00%	700
BII	900	-100	-10.00%	368,500
SGH	27,000	-3,000	-10.00%	700

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SCR	13,200	450	3.53%	10,072,010
FLC	6,250	-10	-0.16%	8,151,950
SBT	17,600	500	2.92%	6,225,690
ASM	11,100	700	6.73%	6,027,860
FIT	6,650	-200	-2.92%	5,041,790

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	9,200	600	6.98%	5,655,434
CEO	14,000	100	0.72%	2,963,193
KLF	2,400	-100	-4.00%	1,163,007
DST	3,300	0	0.00%	1,149,650
KVC	2,500	-100	-3.85%	947,900

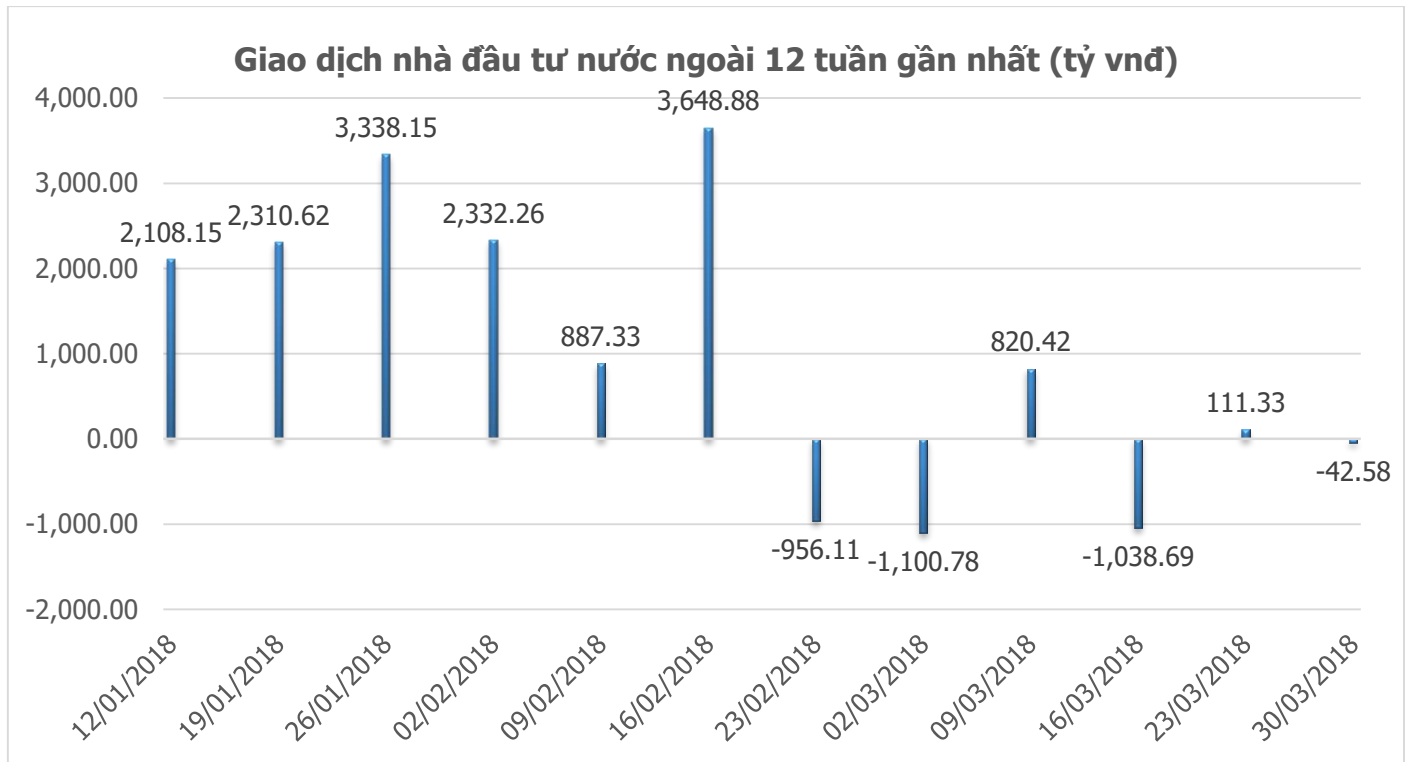
HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SCR	13,200	450	3.53%	10,072,010
FLC	6,250	-10	-0.16%	8,151,950
SBT	17,600	500	2.92%	6,225,690
ASM	11,100	700	6.73%	6,027,860
STB	15,500	250	1.64%	5,869,030

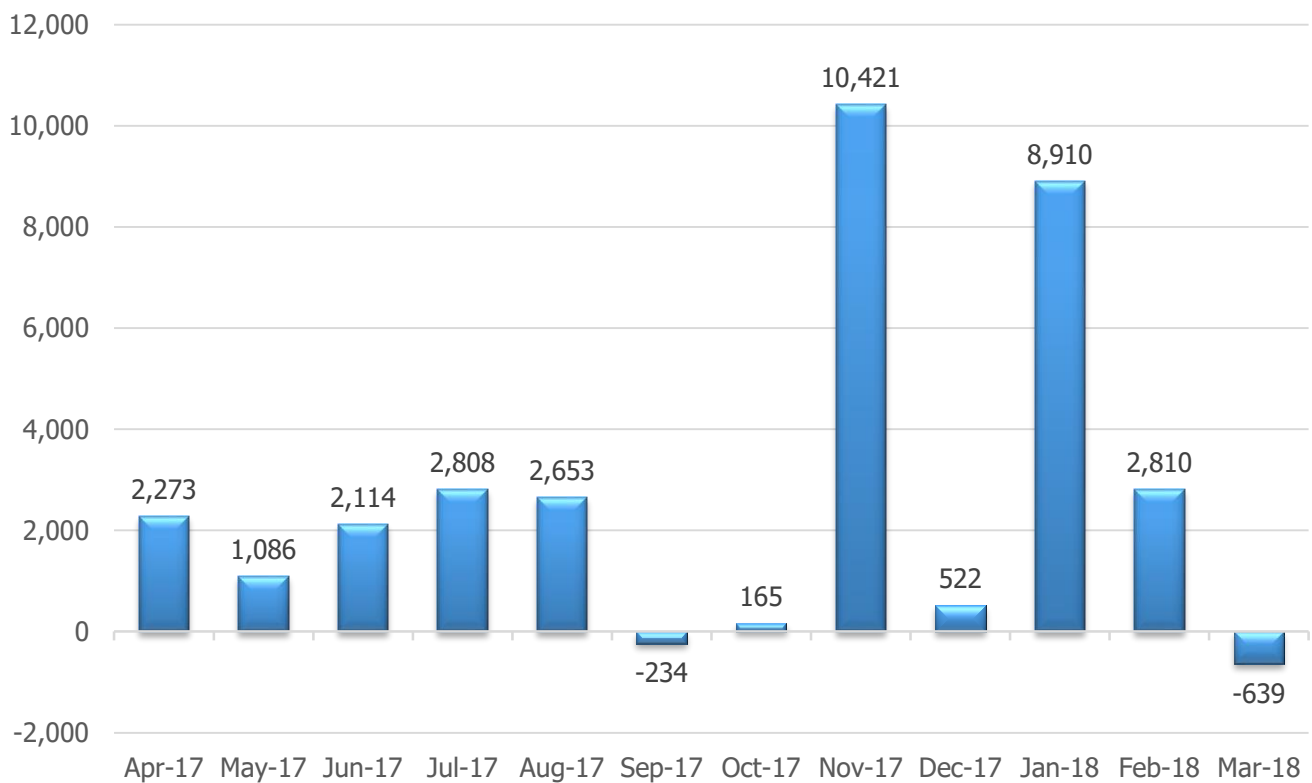
HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	12,900	0	0.00%	8,428,429
HUT	9,200	600	6.98%	5,666,434
PVS	21,100	300	1.44%	3,908,674
CEO	14,000	100	0.72%	2,963,193
ACB	46,700	100	0.21%	2,092,042

GIÁO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM THEO NGÀY

VinaCapital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	91,619	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.36	2.84	5,413,049	60,400	124.45%
2	VNM	10.90%	294,607	16,105	7,094	32.2%	44.5%	28.62	12.60	2,310,955	203,000	51.06%
3	ACV	9.00%	228,520	12,580	1,921	8.7%	16.2%	54.64	8.34	187,934	106,100	98.55%
4	KDH	6.30%	3,311	13,158	2,721	12.3%	21.8%	21.73	4.49	79,955	59,500	0.00%
5	PNJ	6.10%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
6	VJC	4.70%	71	13,329	2,224	2.8%	17.3%	4.32	0.72	2,126	9,600	-3.03%
7	QNS	3.20%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
8	EIB	3.10%	23	10,769	56	0.4%	0.5%	188.59	0.97	0	10,500	0.00%
9	CTD	3.00%	12,362	94,830	21,403	11.9%	24.4%	7.38	1.67	223,476	157,900	-27.98%
10	PVS	2.60%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
Tổng		62.80%										

DaragonCapital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	50,646	15,604	1,953	0.8%	14.1%	23.91	2.99	4,282,251	46,700	108.37%
2	MWG	7.20%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
3	MBB	7.07%	329	15,198	10,398	28.2%	62.1%	7.40	5.07	10,933	77,000	-17.76%
4	VNM	6.27%	294,607	16,105	7,094	32.2%	44.5%	28.62	12.60	2,310,955	203,000	51.06%
5	KDH	5.13%	3,311	13,158	2,721	12.3%	21.8%	21.73	4.49	79,955	59,500	0.00%
6	HPG	4.04%	91,619	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.36	2.84	5,413,049	60,400	124.45%
7	FPT	4.00%	295	6,271	-2,161	-6.2%	-30.1%	-4.63	1.59	209	10,000	-3.94%
8	GAS	3.94%	22	7,872	-3,260	-11.7%	-34.1%	-0.46	0.19	10,837	1,500	0.00%
9	ACV	3.59%	228,520	12,580	1,921	8.7%	16.2%	54.64	8.34	187,934	106,100	98.55%
10	VJC	3.37%	71	13,329	2,224	2.8%	17.3%	4.32	0.72	2,126	9,600	-3.03%
Tổng		51.81%										

DaragonCapital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	307	4,560	77	0.3%	1.7%	28.56	0.48	675,074	2,190	104.72%
2	MWG	13.30%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
3	PNJ	8.57%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
4	FPT	4.88%	295	6,271	-2,161	-6.2%	-30.1%	-4.63	1.59	209	10,000	-3.94%
5	MBB	4.79%	329	15,198	10,398	28.2%	62.1%	7.40	5.07	10,933	77,000	-17.76%
6	DHG	4.63%	23	10,769	56	0.4%	0.5%	188.59	0.97	0	10,500	0.00%
7	CTD	4.60%	12,362	94,830	21,403	11.9%	24.4%	7.38	1.67	223,476	157,900	-27.98%
8	CII	4.18%	7,621	17,633	6,208	9.8%	25.4%	4.99	1.76	1,500,570	30,950	-19.24%
9	CTI	3.52%	2,170	18,665	2,738	3.7%	13.0%	12.58	1.85	466,760	34,450	23.38%
10	VCI	3.41%	158	13,130	1,240	2.4%	9.5%	11.61	1.10	985	14,400	-2.04%
Tổng		62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.41%	454	30,049	4,619	11.5%	15.7%	7.71	1.18	28,115	35,600	0.00%
2	NVL	7.34%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
3	VNM	7.23%	294,607	16,105	7,094	32.2%	44.5%	28.62	12.60	2,310,955	203,000	51.06%
4	CTG	7.11%	128,830	17,025	1,996	0.7%	12.0%	17.33	2.03	5,361,675	34,600	97.86%
5	MSN	7.00%	118,888	12,819	2,748	4.5%	15.3%	41.30	8.85	2,019,499	113,500	132.98%
6	ROS	5.46%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
7	HPG	5.30%	91,619	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.36	2.84	5,413,049	60,400	124.45%
8	Mani	5.24%	117	12,356	1,115	6.9%	9.0%	7.26	0.66	16,746	8,100	-0.77%
9	SSI	5.17%	19,494	17,074	2,373	7.3%	14.7%	16.44	2.28	5,275,038	39,000	72.34%
10	Eclat	4.57%	23	10,769	56	0.4%	0.5%	188.59	0.97	0	10,500	0.00%
11	BVH	3.78%	64,305	20,236	2,291	1.9%	11.1%	41.25	4.67	532,628	94,500	53.83%
12	Synopex	3.76%	845	17,401	7,514	39.9%	46.1%	1.68	0.72	246,892	12,600	-19.32%
13	SOCO	3.29%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
14	RMIL	3.24%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
15	Hansae	3.04%	10	11,847	408	0.0%	0.0%	23.78	0.82	46	9,700	-23.62%
16	VCG	2.73%	158	13,130	1,240	2.4%	9.5%	11.61	1.10	985	14,400	-2.04%
17	STB	2.52%	27,957	12,321	650	0.3%	5.2%	23.84	1.26	11,142,215	15,500	36.16%
18	SBT	2.44%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
19	TCH	2.28%	162	11,537	1,123	2.2%	10.2%	4.45	0.43	28,037	5,000	8.70%
20	MCNEX	1.65%	155	10,427	40	0.1%	0.3%	74.81	0.28	90,977	2,970	37.66%
21	KDC	1.60%	7,877	25,013	1,864	3.8%	5.5%	20.54	1.53	465,060	38,300	-5.57%
22	DPM	1.52%	23	10,769	56	0.4%	0.5%	188.59	0.97	0	10,500	0.00%
23	NT2	1.46%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
24	HAG	1.41%	10	11,847	408	0.0%	0.0%	23.78	0.82	46	9,700	-23.62%
25	HSG	1.20%	7,979	15,610	3,510	6.4%	24.3%	6.50	1.46	3,361,009	22,800	-18.21%
26	DCMI	0.22%	23	10,769	56	0.4%	0.5%	188.59	0.97	0	10,500	0.00%
27	U.S.Dollar	0.0004	379	15,234	2,327	9.0%	15.8%	5.31	0.81	11,477	12,350	13.33%
Tổng		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	91,619	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.36	2.84	5,413,049	60,400	124.45%
2	VIC	15.41%	454	30,049	4,619	11.5%	15.7%	7.71	1.18	28,115	35,600	0.00%
3	MSN	15.32%	118,888	12,819	2,748	4.5%	15.3%	41.30	8.85	2,019,499	113,500	132.98%
4	VNM	12.55%	294,607	16,105	7,094	32.2%	44.5%	28.62	12.60	2,310,955	203,000	51.06%
5	VCB	6.80%	158	13,130	1,240	2.4%	9.5%	11.61	1.10	985	14,400	-2.04%
6	NVL	5.84%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
7	ROS	5.14%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
8	PVS	5.10%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
9	SSI	4.08%	19,494	17,074	2,373	7.3%	14.7%	16.44	2.28	5,275,038	39,000	72.34%
10	STB	2.88%	27,957	12,321	650	0.3%	5.2%	23.84	1.26	11,142,215	15,500	36.16%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	VNM	5.65%	294,607	16,105	7,094	32.2%	44.5%	28.62	12.60	2,310,955	203,000	51.06%
2	VIC	2.76%	454	30,049	4,619	11.5%	15.7%	7.71	1.18	28,115	35,600	0.00%
3	MSN	1.81%	118,888	12,819	2,748	4.5%	15.3%	41.30	8.85	2,019,499	113,500	132.98%
4	HPG	1.43%	91,619	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.36	2.84	5,413,049	60,400	124.45%
5	ROS	0.63%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
6	NVL	0.58%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
7	VRE	0.48%	2,000	17,046	3,398	15.3%	21.0%	11.77	2.35	622,322	40,000	11.80%
8	SSI	0.45%	19,494	17,074	2,373	7.3%	14.7%	16.44	2.28	5,275,038	39,000	72.34%
9	STB	0.32%	27,957	12,321	650	0.3%	5.2%	23.84	1.26	11,142,215	15,500	36.16%
10	SAB	0.28%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
11	PVS	0.20%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
12	SBT	0.19%	608	12,094	1,647	8.4%	14.4%	8.20	1.12	5,667	13,500	21.32%
13	HSG	0.15%	7,979	15,610	3,510	6.4%	24.3%	6.50	1.46	3,361,009	22,800	-18.21%
14	TCH	0.14%	162	11,537	1,123	2.2%	10.2%	4.45	0.43	28,037	5,000	8.70%
15	DPM	0.13%	23	10,769	56	0.4%	0.5%	188.59	0.97	0	10,500	0.00%
16	KBC	0.10%	6,271	17,423	1,244	3.8%	6.6%	10.73	0.77	3,571,762	13,350	-14.71%
	Tổng	15.3%										

ĐIỂM TIN NỘI BẬT:

Ngày 26/03/2018: Thứ 2

■ Warburg Pincus, quỹ đầu tư tư nhân của Mỹ, đang tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới trong lĩnh vực tiêu dùng, ngân hàng và hậu cần (logistic) của Việt Nam, khi nền kinh tế đang đang trưởng mạnh và thị trường vốn đang phát triển. Warburg Pincus đã cam kết đầu tư 1 tỷ USD tại Việt Nam. Mặc dù định giá cổ phiếu trên thị trường toàn cầu đã lên mức cao, Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ. Perlman – trưởng khu vực Đông Nam Á của Warburg Pincus cho biết: “Bạn có thể trả giá cao nếu nhận thấy khoản đầu tư đó có tiềm năng tăng trưởng hơn nữa”.

■ Pyn Elite Fund dự báo GDP Việt Nam trong năm 2018 sẽ đạt khoảng 235 tỷ USD, tăng 7% so với năm ngoái. Trong khi đó, TTCK Việt Nam hiện đang được định giá khá thấp so với Thái Lan, Indonesia, Philippines khi P/B theo tính toán của Pyn Elite Fund chỉ khoảng 1,4 và P/E gần 17. Pyn Elite Fund nhận định trong năm 2018, chỉ số VnIndex sẽ đạt khoảng 1.400 điểm và TTCK Việt Nam sẽ ra mắt các sản phẩm mới như Chứng quyền bảo đảm (Covered Warrants), Giao dịch trong ngày (Intraday Trading).

■ Hiệp định Đối tác tiến bộ và toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ góp phần vào việc thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa nói chung và sản phẩm thủy sản (SPTS) sang các thị trường lớn như Nhật Bản, Australia, Canada, Mexico, đây cũng là một trong những đối tác thương mại chính của xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Các nước CPTPP hàng năm nhập khẩu khoảng gần 2 tỉ USD hàng hóa, tương đương 23% tổng kim ngạch;

Ngày 27/03/2018: Thứ 3

■ Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KHĐT), tính đến ngày 20/3/2018, ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 3,88 tỷ USD (tăng 7,2% so với cùng kỳ). Theo báo cáo, tính chung trong quý I/2018, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là 5,8 tỷ USD, bằng 75,2% so với cùng kỳ năm 2017.

Ngày 28/03/2018: Thứ 4

■ Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lê Quang Mạnh cho biết, dự kiến tăng trưởng GDP quý I tốt nhất 10 năm qua ở mức trên 7%. Trong đó, công nghiệp-xây dựng là động lực cho tăng trưởng kinh tế với mức tăng 11%, mà đóng góp mạnh mẽ là công nghiệp chế biến chế tạo. Nhiều đơn hàng lớn về xuất khẩu hàng hóa được ký trong đầu năm 2018 giúp kim ngạch xuất khẩu ước đạt 33,62 tỷ USD tăng 23% so với cùng kỳ 2017. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 32,54 tỷ USD, tăng 13,6%. Trong quý I, cả nước xuất siêu 1,1 tỷ USD. Mặt bằng lãi suất tương đối ổn định. Tổng thu cân đối ngân sách thì ước 17,5% dự toán. Chi cân đối ngân sách 14,8% dự toán.

■ Trong khi khái niệm "Quốc gia khởi nghiệp", "Cách mạng công nghiệp 4.0" đang tạo ra những đề tài sôi nổi tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong bảng xếp của World Bank về những quốc gia có điều kiện khởi nghiệp tại châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam vẫn đứng cuối bảng. Việt Nam đang có mức thuế theo luật là 20% nhưng vấn đề miễn và giảm thuế vẫn chưa thực sự rõ ràng. Với tiêu chí về môi trường kinh doanh, Việt Nam lại đạt điểm số khá thấp và phải đứng áp chót trong số 12 quốc gia. Theo đó, với mức độ dễ dàng trong việc khởi nghiệp, thứ hạng của Việt Nam là 9/12, cơ sở hạ tầng là 11/12.

Ngày 29/03/2018: Thứ 5

■ Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 3 năm 2018 ước đạt 3,1 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 3 tháng đầu năm 2018 đạt 8,7 tỷ USD. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 4,6 tỷ USD, tăng 9%; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 1,7 tỷ USD, tăng 1,5%; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt gần 2 tỷ USD, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2017.

■ 69% doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam cho rằng họ đang "vấp" phải khó khăn trong việc tuyển dụng được các cán bộ kỹ thuật có tay nghề để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Đây là một trong những kết quả được đưa ra trong khuôn khổ báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2017 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố mới đây.

Ngày 30/03/2018: Thứ 6

■ Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I/2018 do Tổng cục Thống kê mới công bố cho thấy, tính đến thời điểm 20/3/2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,23% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ năm trước tăng 2,88%); huy động vốn của các ngân hàng thương mại tăng 2,20% (cùng kỳ năm trước tăng 2,43%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,23% (cùng kỳ năm trước tăng 2,81%). Trong khi đó, thị trường bảo hiểm 3 tháng đầu năm duy trì tăng trưởng tích cực. Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường quý I/2018 ước tính tăng 19% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ tăng 28%; doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng 9%.

■ Theo Tổng cục Thống kê, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu quý I/2018 của Việt Nam ước đạt 53,01 tỷ USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước. Ở chiều ngược lại, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu quý I ước đạt 54,31 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 14,97 tỷ USD, tăng 18,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 39,34 tỷ USD, tăng 23,2%.

■ Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 giảm 0,27% so với tháng trước, trong đó 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm. Tuy nhiên, tính chung 3 tháng đầu năm, CPI tăng 2,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. CPI tháng 3/2018 tăng 0,97% so với tháng 12/2017 và tăng 2,66% so với cùng kỳ năm trước.

■ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho hay, đến thời điểm này, mọi điều kiện về hạ tầng công nghệ, hệ thống pháp lý cũng như mức độ tham gia của các công ty chứng khoán... đã sẵn sàng cho triển khai sản phẩm mới - Chứng quyền có đảm bảo (CW), nhưng thời điểm cụ thể đang chờ chốt. Theo dự kiến của HOSE, nếu các bên liên quan sẵn sàng chuẩn bị, sản phẩm mới sẽ được vận hành vào tháng 5 tới, thêm cơ hội cho nhà đầu tư và các chủ thể tham gia TTCK Việt Nam.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO NGÀY

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	ASM	11.0	12.2	10.0	11.1	10.9					Chờ khớp
	C47	12.7	14.1	11.6	12.8	12.6					Chờ khớp
	GEX	36.3	40.2	33.0	36.3	35.9					Chờ khớp
	HDC	15.4	17.0	14.0	15.5	15.2					Chờ khớp
	PTB	109.1	121.0	99.4	109.9	108.0					Chờ khớp
	HUT	9.0	10.0	8.2	9.2	8.9					Chờ khớp
	MBS	18.4	20.4	16.7	18.6	18.2					Chờ khớp
	BSR	26.4	29.2	24.0	26.6	26.1					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	NLG	36.4	40.3	33.1	36.9	36.0		29/03/2018		2.5%	Nắm giữ
	AST	80.8	89.6	73.6	80.0	80.0		28/03/2018		0.0%	Nắm giữ
	NCT	102.0	113.1	92.9	103.0	101.0		23/03/2018		2.0%	Nắm giữ
	THG	41.7	46.3	38.0	40.5	41.3		23/03/2018		-1.9%	Nắm giữ
	BCC	7.5	8.3	6.8	7.9	7.4		23/03/2018		6.8%	Nắm giữ
	VIT	14.6	16.2	13.3	15.3	14.5		23/03/2018		5.5%	Nắm giữ
	SDI	101.0	112.0	92.0	100.2	100.0		23/03/2018		0.2%	Nắm giữ
	HMC	15.7	17.4	14.3	16.2	15.5		21/03/2018		4.2%	Nắm giữ
	DHG	108.1	119.8	98.4	111.0	107.0		21/03/2018		3.7%	Nắm giữ
	CVT	48.5	53.8	44.2	51.1	48.0		16/03/2018		6.5%	Nắm giữ
	LTG	42.1	46.7	38.4	41.0	41.7		16/03/2018		-1.7%	Nắm giữ
	CMG	25.0	27.8	22.8	31.6	24.8		14/03/2018		27.4%	Nắm giữ
	VCS	227.5	252.2	207.2	261.50	225.20		03/02/2018		16.1%	Nắm giữ
Danh Mục Đã Bán	CEO	10.8	12.0	9.8	11.5	10.7	12.5	21/02/2018	26/03/2018	16.8%	Đã bán
	CCL	4.0	4.4	3.6	4.4	4.0	4.4	02/12/2018	27/03/2018	11.1%	Đã bán
	QNS	51.1	56.7	46.6	55.80	50.60	57.5	02/05/2018	30/03/2018	13.6%	Đã bán
	VNM	202.0	224.0	184.0	207.0	200.0	207.0	22/02/2018	30/03/2018	3.5%	Đã bán
	PVT	20.0	22.2	18.2	20.3	19.8	20.2	16/03/2018	27/03/2018	2.0%	Đã bán
	SCR	12.4	13.8	11.3	12.6	12.3	12.7	03/05/2018	26/03/2018	3.3%	Đã bán
	TDH	14.8	16.5	13.5	15.2	14.7	15.2	03/05/2018	26/03/2018	3.4%	Đã bán
	CSM	15.2	16.8	13.8	14.5	15.0	14.6	03/12/2018	30/03/2018	-2.7%	Đã bán
	LDG	25.7	28.4	23.4	24.8	25.4	24.2	20/03/2018	23/03/2018	-4.7%	Đã bán
	CTI	35.7	39.5	32.5	34.7	35.3	34.5	23/03/2018	28/03/2018	-2.3%	Đã bán
	DPM	23.2	25.8	21.2	22.1	23.0	22.3	15/03/2018	28/03/2018	-3.0%	Đã bán
	LPB	16.4	18.1	14.9	15.5	16.2	15.6	21/03/2018	26/03/2018	-3.7%	Đã bán
	SHB	13.7	15.2	12.5	12.9	13.6	13.2	19/03/2018	26/03/2018	-2.9%	Đã bán
	FTS	15.5	17.1	14.1	15.1	15.3	15.2	13/03/2018	26/03/2018	-0.7%	Đã bán
	BMP	77.5	85.9	70.6	72.5	76.7	70.6	22/03/2018	29/03/2018	-8.0%	Đã bán
	PVD	22.4	24.9	20.4	20.8	22.2	20.2	23/03/2018	27/03/2018	-9.0%	Đã bán
	TA9	15.0	16.7	13.7	13.5	14.9	13.7	21/03/2018	26/03/2018	-8.1%	Đã bán
TLH	12.1	13.4	11.0	11.3	12.0	11.4	13/03/2018	26/03/2018	-5.0%	Đã bán	
ANV	11.0	12.2	10.0	21.00	10.90	21.1	28/12/2017	14/03/2018	93.6%	Đã bán	
HDG	36.8	40.8	33.5	49.80	36.40	50.0	01/10/2018	03/12/2018	37.4%	Đã bán	

TV2	185.8	206.1	169.3	240.5	184.0	241.2	22/02/2018	03/12/2018	31.1%	Đã bán
PVI	33.7	37.4	30.7	41.50	33.40	41.5	17/01/2018	03/07/2018	24.3%	Đã bán
TDG	11.1	12.3	10.1	12.56	11.00	12.6	26/01/2018	03/06/2018	14.5%	Đã bán
FMC	27.2	30.1	24.7	29.8	26.9	30.4	26/02/2018	03/08/2018	13.0%	Đã bán
TNA	36.3	40.2	33.0	37.5	35.9	37.5	02/09/2018	03/06/2018	8.9%	Đã bán
SHB	12.2	13.6	11.1	12.6	12.1	12.7	02/08/2018	03/06/2018	5.0%	Đã bán
HPG	64.3	71.3	58.6	66.7	63.7	66.3	27/02/2018	03/02/2018	4.1%	Đã bán
NCT	98.0	108.6	89.2	100.0	97.0	99.5	02/09/2018	03/12/2018	2.6%	Đã bán
APG	5.9	6.5	5.3	6.02	5.80	6.0	26/01/2018	03/12/2018	4.0%	Đã bán
NVB	7.7	8.5	7.0	8.10	7.60	8.3	18/01/2018	03/12/2018	9.2%	Đã bán
DGW	23.1	25.6	21.1	24.7	22.9	24.6	26/02/2018	22/03/2018	7.4%	Đã bán

Liên hệ trung tâm nghiên cứu VNCS:

Lưu Chí Kháng

Chuyên viên phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0946 976 245 Email: khanglc@vn-cs.com, khangluuchi@gmail.com,

Đỗ Thị Hường

Trợ lý phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0983 126 496 Email: huongdt@vn-cs.com.

Email: vncs.research@vn-cs.com

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099

Webiste: www.vn-cs.com